

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 02 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Đặng Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 612/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975.

Cư trú tại: Ấp 17, xã Khánh A, huyện U M, tỉnh C. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1971

Cư trú tại: Ấp Tân Thới A, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2019, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Bà X với ông T chung sống vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đông, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, không lo cuộc sống gia đình và thường xuyên xúc phạm bà. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thân tộc hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành dẫn đến vợ chồng đã ly thân hơn 10

năm. Nay, bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T .

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Huỳnh Hoài P , sinh ngày 04/3/2003, hiện đang sống cùng ông T . Khi ly hôn, cháu Phong có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu sống với bà, bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà X xác định vợ chồng không có nợ ai.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo quy định pháp luật, nhưng ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Vào ngày 07/02/2020 và ngày 10/02/2020 bà Nguyễn Thị X là nguyên đơn và ông Huỳnh Văn T là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X và ông T .

[2] *Về hôn nhân:* Bà X với ông T kết hôn vào năm 1995, đến ngày 13/8/2004 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 408 tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đông, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau, hôn nhân hợp pháp. Bà X xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn và thường xuyên xúc phạm bà. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thân tộc hai bên hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà X yêu cầu được ly hôn với ông T . Đối với ông T , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông T để tham gia hòa giải nhưng ông T vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Xuân. Ngoài ra, vợ chồng ông bà đã ly thân hơn 10 năm và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà X với ông Triều đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X về việc ly hôn với ông T .

[3] *Về nuôi con chung:* Tên Huỳnh Hoài P , sinh ngày 04/3/2003, hiện cháu P đang sống cùng ông T . Khi ly hôn, cháu P có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi*

con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu P vào ngày 07/02/2020 cháu P có nguyện vọng ở với ông T . Do đó, cần giao cháu Phong cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con ông T chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về chia tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ:* Bà X xác định không có.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị X .

1. Về hôn nhân:

Cho bà Nguyễn Thị X ly hôn với ông Huỳnh Văn T .

2. Về nuôi con chung: Giao Huỳnh Hoài P , sinh ngày 04/3/2003 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con ông T chưa yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Bà Nguyễn Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà X phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010147 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà X , ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

